

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56.03.000043 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 số 1700460163 ngày 19 tháng 11 năm 2012 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

Trong năm tài chính, hoạt động chính của Công ty như sau:

- Chế biến, gia công, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán cá và thủy sản;
- Chế biến sản phẩm từ ngũ cốc;
- Xuất nhập khẩu phụ gia, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành khai thác chế biến thủy sản.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã đăng ký.

Trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 12.000.000.000 đồng.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Châu Sang	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Võ Thế Trọng	Thành viên
Ông Phạm Văn Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Ông Huỳnh Châu Sang	Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Giám đốc
Ông Võ Thế Trọng	Phó Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Ông HUỲNH CHÂU SANG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kiên Giang, ngày 8 tháng 3 năm 2013

Số : 37/2012/CT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được lập vào ngày 12 tháng 01 năm 2013 của Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền (gọi tắt là "Công ty") từ trang 5 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Chúng tôi bị giới hạn vấn đề sau:

- Như đã nêu tại mục 4.10 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có khoản đầu tư vào 150.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chế Biến Bột Cá Kiên Hùng I. Hiện nay Công ty này tạm ngưng hoạt động do kinh doanh thiếu hiệu quả nhưng chưa được xem xét khả năng bị tổn thất trong tương lai và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn theo quy định. Với những tài liệu hiện có của Công ty và các thủ tục kiểm toán thay thế khác, chúng tôi không thể ước tính một cách đáng tin cậy về khoản tổn thất trong tương lai cho khoản đầu tư trên.
- Như đã nêu tại mục 4.11 của Thuyết minh báo cáo tài chính, trong khoản mục Chi phí trả trước dài hạn có chi phí lãi vay dài hạn là 536.628.192 đồng, lỗ chênh lệch tỷ giá là 218.368.320 đồng chưa ghi nhận vào chi phí trong năm. Điều này dẫn đến lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng lên một khoản tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng vấn đề nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty, và được lập phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

ĐẶNG THỊ MỸ VÂN

Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 0173/KTV

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0600/KTV

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cần Thơ, ngày 8 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậy, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.001.656.576	55.007.905.324
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	845.578.080	663.603.716
Tiền	111		845.578.080	663.603.716
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		22.510.640.388	25.411.745.583
Phải thu khách hàng	131	4.2	18.907.912.430	22.162.558.636
Trả trước cho người bán	132	4.3	3.604.726.778	3.278.182.495
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135		68.300.710	27.421.035
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(70.299.530)	(56.416.583)
Hàng tồn kho	140	4.4	21.601.279.989	25.685.445.084
Hàng tồn kho	141		21.601.279.989	25.685.445.084
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.044.158.119	3.247.110.941
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.5	859.274.920	372.200.798
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.503.308.326	2.586.943.665
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.6	681.574.873	287.966.478

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậy, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		53.677.743.294	55.433.197.512
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		50.741.502.567	51.773.040.184
Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	44.601.804.235	46.849.050.166
Nguyên giá	222		55.398.070.339	54.880.170.339
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.796.266.104)	(8.031.120.173)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.8	4.282.675.687	4.416.451.132
Nguyên giá	228		4.459.181.484	4.459.181.484
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(176.505.797)	(42.730.352)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.9	1.857.022.645	507.538.886
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.530.000.000	1.530.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	4.10	1.530.000.000	1.530.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.406.240.727	2.130.157.328
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	1.406.240.727	2.122.444.882
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	7.712.446
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		101.679.399.870	110.441.102.836

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		85.686.426.772	93.927.497.817
Nợ ngắn hạn	310		69.653.636.092	69.672.953.480
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.12	53.755.122.518	52.492.522.108
Phải trả cho người bán	312	4.13	14.907.379.304	14.963.896.369
Người mua trả tiền trước	313		-	-
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.14	145.022.281	366.837.538
Phải trả công nhân viên	315		381.802.813	1.147.248.288
Chi phí phải trả	316	4.15	137.743.510	85.034.100
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.16	110.989.551	147.607.117
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.17	215.576.115	469.807.960
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		16.032.790.680	24.254.544.337
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	4.18	16.032.790.680	24.112.406.680
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	142.137.657
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.992.973.098	16.513.605.019
Vốn chủ sở hữu	410	4.19	15.992.973.098	16.513.605.019
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.000.000.000	12.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(127.330.875)
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.952.202.460	1.781.079.015
Quỹ dự phòng tài chính	418		173.794.264	280.924.542
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.866.976.374	2.578.932.337
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		101.679.399.870	110.441.102.836

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậy, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại (USD)		5.247,82	13.761,08
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGUYỄN KIM BÚP
Kế toán trưởng

HUYỀN CHÂU SANG
Giám đốc
Kiên Giang, ngày 8 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậy, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		226.540.256.790	237.855.764.280
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		14.754.720	-
Doanh thu thuần	10	5.1	226.525.502.070	237.855.764.280
Giá vốn hàng bán	11	5.2	202.463.663.883	215.414.928.499
Lợi nhuận gộp	20		24.061.838.187	22.440.835.781
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	455.007.478	3.175.654.644
Chi phí tài chính	22	5.4	10.308.358.356	10.245.819.421
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.057.300.028</i>	<i>8.220.825.585</i>
Chi phí bán hàng	24		6.745.852.294	6.404.757.289
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.503.812.233	5.609.260.245
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		1.958.822.782	3.356.653.470
Thu nhập khác	31	5.5	88.229.157	17.718.646
Chi phí khác	32		-	161.281.119
Lợi nhuận khác	40		88.229.157	(143.562.473)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.047.051.939	3.213.090.997
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.6	156.546.855	475.463.793
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		7.712.446	(7.712.446)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.882.792.638	2.745.339.650
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.8	1.569	2.288

NGUYỄN KIM BÚP

Kế toán trưởng

HUYỀN CHÂU SANG

Giám đốc

Kiên Giang, ngày 8 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	2.047.051.939	3.213.090.997
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.898.921.376	2.700.758.382
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	13.882.947	93.665.690
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	28.216.893	59.810.100
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15.209.340)	-
Chi phí lãi vay	06	10.057.300.028	8.220.825.585
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	15.030.163.843	14.288.150.754
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	535.370.057	6.578.463.287
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	4.052.047.518	(8.800.028.986)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	1.110.889.224	6.648.750.103
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	229.130.033	(1.565.230.427)
Tiền lãi vay đã trả	13	(10.057.300.028)	(8.220.825.585)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(365.309.235)	(423.794.336)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.249.869.702)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.285.121.710	8.505.484.810
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(794.860.376)	(23.451.563.656)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.209.340	26.532.739
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(779.651.036)	(23.425.030.917)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	(270.148.403.351)	267.864.700.389
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	263.280.374.706	(252.134.426.781)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.440.000.000)	(960.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.308.028.645)	14.770.273.608
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	197.442.029	(149.272.499)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	663.603.716	815.403.364
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(15.467.665)	(2.527.149)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	845.578.080	663.603.716

NGUYỄN KIM BÚP

Kế toán trưởng

HUỠNH CHÂU SANG

Giám đốc

Kiên Giang, ngày 8 tháng 3 năm 2013

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56.03.000043 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 số 1700460163 ngày 19 tháng 11 năm 2012 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Trụ sở và nhà máy của Công ty hiện nay được đặt tại Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phương, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trụ sở và nhà máy của Công ty trước đây được đặt tại 326-328 Ngô Quyền, phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Trong năm tài chính, hoạt động chính của Công ty là:

- Chế biến, gia công, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán cá và thủy sản;
- Chế biến sản phẩm từ ngũ cốc;
- Xuất nhập khẩu phụ gia, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành khai thác chế biến thủy sản.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã đăng ký.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số cán bộ nhân viên chính thức của Công ty là 199 người (31/12/2011 là 139 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng được công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Đầu tư

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

3.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	7 - 25 năm
Máy móc thiết bị	7 - 15 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	50 năm

3.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm Chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá hối đoái và phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí lãi vay và chênh lệch tỷ giá phát sinh vào năm 2010 Công ty chưa ghi nhận vào kết quả kinh doanh theo quy định mà được phân bổ đều trong vòng 5 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

3.9 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.10 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào đơn giá tiền lương được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3.11 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 7%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

3.12 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính của kỳ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.13 Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Các ưu đãi về thuế:

Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo Thông báo số 112/TB-CT ngày 02 tháng 08 năm 2005 của Cục Thuế Tỉnh Kiên Giang, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Trong năm 2009, Công ty xác định lại việc ưu đãi thuế TNDN theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ và Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính như sau:

- Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% từ năm 2005 đến năm 2015.
- Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ năm 2007 đến năm 2012.
- Công ty được ưu đãi giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp theo hướng dẫn tại thông tư số 140/2012/TT – BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGỒ QUYỀN

Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Theo Quyết định số 645/QĐ-CT ngày 19 tháng 6 năm 2009 về miễn tiền thuê đất, Công ty được miễn tiền thuê đất 11 năm theo Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Thời hạn miễn bắt đầu từ tháng 01 năm 2009.

3.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.16 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Tên Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Du Lịch – Thương Mại Kiên Giang	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chế Biến Bột Cá Kiên Hùng I	Việt Nam	Bên liên quan

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	7.309.893	297.792.934
Tiền gửi ngân hàng	838.268.187	365.810.782
- VND	728.966.592	79.195.008
- USD	109.301.595	286.615.774
	845.578.080	663.603.716

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng	5.247,82	109.301.595
- USD	5.247,82	109.301.595
	5.247,82	109.301.595

4.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu thương mại - Bên liên quan	127.404.000	-
Phải thu thương mại - Bên thứ ba	18.780.508.430	22.162.558.636
	18.907.912.430	22.162.558.636

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGỒ QUYỀN
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trả trước cho người bán - Bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán - Bên thứ ba	3.604.726.778	3.278.182.495
	3.604.726.778	3.278.182.495

4.4 Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên vật liệu	827.704.220	2.310.195.255
Công cụ dụng cụ	1.351.812.918	1.493.373.883
Thành phẩm	18.720.366.759	21.881.875.946
Hàng hóa	701.396.092	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	21.601.279.989	25.685.445.084
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	21.601.279.989	25.685.445.084

4.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	844.276.795	338.244.798
Chi phí bảo hiểm	8.248.125	6.456.000
Chi phí thuê nhà	6.750.000	27.500.000
	859.274.920	372.200.798

4.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên đi công tác	105.724.615	15.386.800
Tạm ứng cá nhân cho nhân viên	174.184.000	128.219.000
Tạm ứng mua vật tư xây dựng	401.666.258	144.360.678
	681.574.873	287.966.478

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGỒ QUYỀN
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2012	16.278.803.611	37.543.562.630	777.484.135	280.319.963	54.880.170.339
Mua trong năm	-	517.900.000	-	-	517.900.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Vào ngày 31/12/2012	<u>16.278.803.611</u>	<u>38.061.462.630</u>	<u>777.484.135</u>	<u>280.319.963</u>	<u>55.398.070.339</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2012	1.980.883.173	5.596.018.638	323.232.024	130.986.338	8.031.120.173
Khấu hao trong năm	709.085.488	2.180.811.314	1.487.856	7.536.718	2.898.921.376
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	(133.775.445)	-	-	-	(133.775.445)
Vào ngày 31/12/2012	<u>2.556.193.216</u>	<u>7.776.829.952</u>	<u>324.719.880</u>	<u>138.523.056</u>	<u>10.796.266.104</u>
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2012	14.297.920.438	31.947.543.992	454.252.111	149.333.625	46.849.050.166
Vào ngày 31/12/2012	<u>13.722.610.395</u>	<u>30.284.632.678</u>	<u>452.764.255</u>	<u>141.796.907</u>	<u>44.601.804.235</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay				44.601.804.235 đồng	
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				2.277.416.836 đồng	
Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý				5.752.471.134 đồng	

4.8 Tài sản cố định vô hình

	Tài sản vô hình khác VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2012	4.459.181.484
Mua trong năm	-
Vào ngày 31/12/2012	<u>4.459.181.484</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2012	42.730.352
Khấu hao trong năm	89.183.630
Giảm khác	44.591.815
Vào ngày 31/12/2012	<u>176.505.797</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2012	4.416.451.132
Vào ngày 31/12/2012	<u>4.282.675.687</u>

Đây là giá trị mua lại tài sản trên đất của Công ty TNHH Kiên Hùng I để được thuê đất 50 năm và cải tạo xây dựng nhà máy mới tại khu Cảng cá Tắc Cậu nên đã hạch toán tài sản cố định vô hình theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 01/BB-HĐQT-12 ngày 13 tháng 02 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	507.538.886	26.057.701.093
Tăng trong năm	1.349.483.759	4.562.460.493
Giảm trong năm	-	(30.112.622.700)
Số dư cuối năm	1.857.022.645	507.538.886
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí di dời tài sản cố định	1.857.022.645	507.538.886
	1.857.022.645	507.538.886

Đây là khoản chi phí di dời một số tài sản từ nhà máy cũ tại số 326 – 328 đường Ngô Quyền, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đến nhà máy mới tại Khu Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang để bàn giao mặt bằng cho nhà đầu tư thực hiện Giai đoạn II của Dự án xây dựng chợ Bắc Sơn. Theo văn bản số 22/UBND tỉnh Kiên Giang thì Công ty sẽ nhận được tiền hỗ trợ di dời, bồi thường tài sản và hỗ trợ ổn định sản xuất khoảng hơn 17 tỷ đồng. Công ty sẽ dùng nguồn thu này bù đắp cho khoản chi phí nêu trên.

4.10 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Mua cổ phiếu	1.530.000.000	1.530.000.000
	1.530.000.000	1.530.000.000

Đây là khoản đầu tư 150.000 cổ phần vào Công ty Cổ phần Chế Biến Bột Cá Kiên Hùng I. Hiện nay Công ty này tạm ngưng hoạt động do kinh doanh thiếu hiệu quả nhưng chưa được xem xét khả năng bị tổn thất trong tương lai và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn theo quy định.

4.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	651.244.215	1.110.559.842
Chi phí lãi vay (i)	536.628.192	720.727.280
Chênh lệch tỷ giá (ii)	218.368.320	291.157.760
	1.406.240.727	2.122.444.882

(i) Tiền lãi vay của các hợp đồng vay dài hạn Công ty vay để đầu tư xây dựng nhà máy Tắc Cậu không được vốn hóa theo quy định hiện hành.

(ii) Khoản chênh lệch tỷ giá của khoản vay dài hạn ngoại tệ trong quá trình đầu tư xây dựng nhà máy mới tại khu Cảng cá Tắc Cậu.

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 01/BB-HĐQT-12 ngày 13/02/2012 thì các khoản chi phí tài chính này sẽ được xử lý khi Công ty nhận được tiền bồi thường di dời nhà máy hiện hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.12 Vay ngắn hạn

		31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	(i)	45.675.506.518	44.412.906.108
Nợ vay dài hạn đến hạn trả	(ii)	8.079.616.000	8.079.616.000
		<u>53.755.122.518</u>	<u>52.492.522.108</u>

(i) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Hạn mức	Lãi suất (năm)	Mục đích vay	31/12/2012 USD	31/12/2012 VND
Ngân Hàng Ngoại Thương Kiên Giang - VND	20 tỷ VND	16%	Bổ sung vốn kinh doanh		8.040.063.807
Ngân Hàng ĐT Và Phát Triển Kiên Giang - VND	15 tỷ VND	15%	Bổ sung vốn kinh doanh		7.200.756.528
Ngân Hàng ĐT Và Phát Triển Kiên Giang - USD	15 tỷ VND	6%	Bổ sung vốn kinh doanh	111.630 #	2.325.029.640
Ngân Hàng Công Thương Kiên Giang - VND	25 tỷ VND	15%	Bổ sung vốn kinh doanh		23.887.820.943
Ngân Hàng Công Thương Kiên Giang-USD	25 tỷ VND	6%	Bổ sung vốn kinh doanh	202.700 #	4.221.835.600
				<u>314.330</u>	<u>45.675.506.518</u>

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại các ngân hàng được bảo đảm bằng toàn bộ giá trị tài sản cố định của Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2012 là 44.468.028.790 đồng và toàn bộ giá trị hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 21.601.279.989 đồng.

(ii) Đây là khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2012 tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang. Chi tiết xem tại 4.18.

4.13 Phải trả người bán

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải trả người bán - Bên liên quan	-	-
Phải trả người bán - Bên thứ ba	14.907.379.304	14.963.896.369
	<u>14.907.379.304</u>	<u>14.963.896.369</u>

4.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	69.402.141	293.174.680
Thuế thu nhập cá nhân	75.620.140	73.662.858
	<u>145.022.281</u>	<u>366.837.538</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGŨ QUYỀN

Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.15 Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trích trước chi phí bán hàng	85.243.510	85.034.100
Trích trước chi phí khác	52.500.000	-
	137.743.510	85.034.100

4.16 Phải trả khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	83.543.960	75.745.311
Bảo hiểm xã hội	7.762.309	50.417.187
Bảo hiểm y tế	933.508	1.792.549
Bảo hiểm thất nghiệp	1.594.774	2.497.070
Các khoản phải trả khác	17.155.000	17.155.000
	110.989.551	147.607.117

4.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	469.807.960	494.772.490
Tăng trong năm	376.558.528	655.862.384
Giảm trong năm	(630.790.373)	(680.826.914)
Số dư cuối năm	215.576.115	469.807.960

4.18 Nợ dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn ngân hàng	16.032.790.680	24.112.406.680
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	142.137.657
	16.032.790.680	24.254.544.337

Đây là khoản vay tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang có thời hạn từ 5 - 6 năm với mục đích xây dựng nhà máy sản xuất mới tại khu Cảng cá Tắc Cậu và được bảo đảm vay bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Chi tiết số dư nợ vay dài hạn tại ngày 31/12/2012 như sau:

Số hợp đồng	Lãi suất (năm)	Ngày đáo hạn	Vay dài hạn		Nợ dài hạn đến hạn trả 31/12/2012	Vay dài hạn còn lại 31/12/2012
			31/12/2012 USD	31/12/2012 VND		
02/2009/NHNT-NQ	16,5%	29/9/2015		14.100.000.000	4.700.000.000	9.400.000.000
03/2009/NHNT-NQ	7,5%	29/9/2015	212.810	# 4.432.406.680	1.499.616.000	2.932.790.680
05/2010/NHNT-NQ	17,5%	18/11/2015		5.580.000.000	1.880.000.000	3.700.000.000
			212.810	24.112.406.680	8.079.616.000	16.032.790.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.19 Vốn chủ sở hữu

Bảng tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 01/01/2011	12.000.000.000	1.507.316.295	144.043.182	-	2.313.285.145	15.964.644.622
Lãi trong năm 2011	-	-	-	-	2.745.339.650	2.745.339.650
Trích lập quỹ	-	273.762.720	136.881.360	-	(410.644.080)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(547.525.384)	(547.525.384)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(127.330.875)	-	(127.330.875)
Chi cổ tức	-	-	-	-	(960.000.000)	(960.000.000)
Chi thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(464.522.994)	(464.522.994)
Chi khen thưởng Ban QLĐH	-	-	-	-	(97.000.000)	(97.000.000)
Số dư ngày 31/12/2011	12.000.000.000	1.781.079.015	280.924.542	(127.330.875)	2.578.932.337	16.513.605.019
Số dư ngày 01/01/2012	12.000.000.000	1.781.079.015	280.924.542	(127.330.875)	2.578.932.337	16.513.605.019
Lãi trong năm	-	-	-	-	1.882.792.638	1.882.792.638
Trích lập quỹ	-	188.279.264	94.139.632	-	(282.418.896)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(376.558.528)	(376.558.528)
Sử dụng quỹ	-	-	(201.269.910)	-	-	(201.269.910)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	127.330.875	-	127.330.875
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.440.000.000)	(1.440.000.000)
Chi thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(512.926.996)	(512.926.996)
Giảm quỹ theo nghị quyết ĐHCĐ	-	(17.155.819)	-	-	17.155.819	-
Số dư ngày 31/12/2012	12.000.000.000	1.952.202.460	173.794.264	-	1.866.976.374	15.992.973.098

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.200.000	12.000.000.000	1.200.000	12.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	12.000.000.000	1.200.000	12.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	1.200.000	12.000.000.000	1.200.000	12.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	-	-	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	12.000.000.000	1.200.000	12.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	1.200.000	12.000.000.000	1.200.000	12.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Trong năm nay và năm trước Công ty không có biến động về vốn chủ sở hữu.

4.20 Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 06 tháng 03 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức của năm 2011 là 1.440.000.000 đồng (1.200 VND trên một cổ phiếu).

4.21 Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Theo Điều lệ công ty, Công ty tạm trích 10% từ lợi nhuận thuần sau thuế vào quỹ đầu tư và phát triển trong phần vốn chủ sở hữu nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

Quỹ dự phòng tài chính

Theo điều lệ công ty, Công ty tạm trích 5% từ lợi nhuận sau thuế vào quỹ dự phòng tài chính nhằm mục đích bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ xảy ra trong quá trình kinh doanh.

Các quỹ khác

Theo Điều lệ công ty, Công ty tạm trích 15% lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng và tạm trích 5% lợi nhuận sau thuế vào quỹ phúc lợi để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	4.529.650.656	3.590.602.163
Doanh thu bán thành phẩm	205.572.912.143	214.540.489.896
Doanh thu bán phế liệu	12.840.038.991	17.036.159.290
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.597.655.000	2.688.512.931
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(14.754.720)	-
Doanh thu thuần	<u>226.525.502.070</u>	<u>237.855.764.280</u>

5.2 Giá vốn hàng bán

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn bán hàng hóa	3.804.638.607	3.148.783.029
Giá vốn bán thành phẩm	184.963.019.734	193.602.951.320
Giá vốn bán phế liệu	11.056.152.403	17.002.057.547
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.639.853.139	1.661.136.603
	<u>202.463.663.883</u>	<u>215.414.928.499</u>

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	15.209.340	16.532.739
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	10.000.000
Lãi do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	439.798.138	3.149.121.905
	<u>455.007.478</u>	<u>3.175.654.644</u>

5.4 Chi phí tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	10.057.300.028	8.220.825.585
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	222.841.435	2.024.993.836
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	28.216.893	-
	<u>10.308.358.356</u>	<u>10.245.819.421</u>

5.5 Thu nhập khác

	2012 VND	2011 VND
Hoàn nhập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	88.229.157	-
Các khoản thu nhập khác	-	17.718.646
	<u>88.229.157</u>	<u>17.718.646</u>

5.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2012 VND	2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.047.051.939	3.213.090.997
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(43.768.624)	228.405.581
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	33.355.838	238.405.581
- <i>Đánh giá chênh lệch tỷ giá nợ vay ngắn hạn</i>	3.355.838	77.124.462
- <i>Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN</i>	30.000.000	161.281.119
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(77.124.462)	(10.000.000)
- <i>Thu nhập từ cổ tức được chia</i>		(10.000.000)
- <i>Hoàn nhập chênh lệch tạm thời chịu thuế TNDN hoãn lại</i>	(77.124.462)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.003.283.315	3.441.496.578
- <i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh</i>	1.847.883.104	2.566.069.013
- <i>Thu nhập khác</i>	155.400.211	875.427.565
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- <i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh</i>	20%	20%
- <i>Thu nhập khác</i>	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	408.426.674	732.070.694
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(251.879.819)	(256.606.901)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	156.546.855	475.463.793

5.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	178.792.121.225	195.119.792.683
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	3.804.638.607	3.148.783.029
Chi phí nhân công	14.805.471.578	13.401.269.722
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.936.663.352	2.612.547.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.772.006.323	8.462.182.691
Chi phí bằng tiền khác	4.602.427.325	4.684.370.365
	214.713.328.410	227.428.946.033

5.8 Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 1.882.792.638 VND (2011: 2.475.339.650 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 1.200.000 cổ phiếu (2011: 1.200.000 cổ phiếu), được tính như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.882.792.638	2.475.339.650
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.882.792.638	2.475.339.650
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.200.000	1.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.569	2.288

6. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Các khoản vay và nợ	53.755.122.518	16.032.790.680	69.787.913.198
Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-
Phải trả người bán	14.907.379.304	-	14.907.379.304
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	154.898.510	-	154.898.510
	68.817.400.332	16.032.790.680	84.850.191.012
Ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Các khoản vay và nợ	52.492.522.108	24.112.406.680	76.604.928.788
Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-
Phải trả người bán	14.963.896.369	-	14.963.896.369
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	102.189.100	-	102.189.100
	67.558.607.577	24.112.406.680	91.671.014.257

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị của mình vào các khoản vay tại các ngân hàng.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2011 và 31/12/2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGỒ QUYỀN
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

iv. Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng	Ngày 31 tháng	Ngày 31 tháng	Ngày 31 tháng
	12 năm 2012	12 năm 2011	12 năm 2012	12 năm 2011
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	18.768.679.935	22.106.142.053	18.768.679.935	22.106.142.053
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	127.404.000	-	127.404.000	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	46.359.675	27.421.035	46.359.675	27.421.035
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư ngắn hạn</i>	-	-	-	-
<i>Đầu tư dài hạn</i>	1.530.000.000	1.530.000.000	1.530.000.000	1.530.000.000
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	845.578.080	663.603.716	845.578.080	663.603.716
Tổng cộng	21.318.021.690	24.327.166.804	21.318.021.690	24.327.166.804

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

<i>Vay và nợ</i>	69.787.913.198	76.604.928.788	69.787.913.198	76.604.928.788
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải trả người bán</i>	14.907.379.304	14.963.896.369	14.907.379.304	14.963.896.369
<i>Phải trả khác</i>	154.898.510	102.189.100	154.898.510	102.189.100
Tổng cộng	84.850.191.012	91.671.014.257	84.850.191.012	91.671.014.257

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày theo giá trị sổ sách do không đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất và gia công chế biến thủy sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là xuất khẩu

năm 2011	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	183.601.356.194	54.272.126.732	237.873.482.926
Chi phí trực tiếp	(166.266.842.905)	(49.148.085.594)	(215.414.928.499)
Chi phí phân bổ	(4.943.477.137)	(1.461.280.152)	(6.404.757.289)
Kết quả kinh doanh bộ phận	12.391.036.152	3.662.760.986	16.053.797.138
Chi phí không phân bổ			(5.770.541.364)
Thu nhập hoạt động tài chính			3.175.654.644
Chi phí hoạt động tài chính			(10.245.819.421)
Lợi nhuận trước thuế			3.213.090.997
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(475.463.793)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			7.712.446
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2.745.339.650
Vào ngày 31/12/2011			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	19.674.968.878	2.431.173.175	22.106.142.053
Tài sản không phân bổ			88.334.960.783
Tổng tài sản			110.441.102.836
Nợ phải trả không phân bổ			93.927.497.817
Tổng nợ phải trả			93.927.497.817
năm 2012	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	170.216.900.373	56.396.830.854	226.613.731.227
Chi phí trực tiếp	(152.077.003.974)	(50.386.659.909)	(202.463.663.883)
Chi phí phân bổ	(5.067.027.764)	(1.678.824.530)	(6.745.852.294)
Kết quả kinh doanh bộ phận	13.072.868.635	4.331.346.415	17.404.215.050
Chi phí không phân bổ			(5.503.812.233)
Thu nhập hoạt động tài chính			455.007.478
Chi phí hoạt động tài chính			(10.308.358.356)
Lợi nhuận trước thuế			2.047.051.939
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(156.546.855)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(7.712.446)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			1.882.792.638
Vào ngày 31/12/2012			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	18.244.951.013	651.132.922	18.896.083.935
Tài sản không phân bổ			82.783.315.935
Tổng tài sản			101.679.399.870
Nợ phải trả không phân bổ			85.675.487.802
Tổng nợ phải trả			85.675.487.802

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về tài sản cố định và tài sản dài hạn khác cũng như giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

7.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2012 VND	2011 VND
Công ty TNHH MTV Du Lịch - Thương Mại Kiên Giang	Chi cổ tức	288.000.000	192.000.000

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, không còn số dư các khoản phải thu/(phải trả) giữa Công ty với các bên có liên quan.

7.3 Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lương và thưởng	721.605.435	825.755.000
Các khoản khác	36.450.000	72.000.000
	758.055.435	825.755.000

7.4 Số liệu so sánh

	2011 Theo báo cáo trước đây VND	2011 Điều chỉnh lại VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	201.271.476.094	195.119.792.683
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	-	3.148.783.029
Chi phí nhân công	13.727.906.190	13.401.269.722
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.700.758.382	2.612.547.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.568.590.108	8.462.182.691
Chi phí bằng tiền khác	4.002.013.602	4.684.370.365
	230.270.744.376	227.428.946.033

7.5 Các thông tin khác

Theo Nghị Quyết số 01/NQ-HĐQT-13 của Hội đồng Quản trị ngày 18 tháng 02 năm 2013 và Biên bản số 22/BB-UBND ngày 13/12/2012 tại buổi làm việc với Hội đồng UBND thành phố Rạch Giá thì dự kiến Công ty sẽ nhận được tiền bồi thường nhà cửa vật kiến trúc, hỗ trợ di dời và hỗ trợ ổn định sản xuất với số tiền khoảng hơn 17 tỷ đồng. Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 01/BB-HĐQT-12 ngày 13/02/2012 thì Công ty sẽ dùng nguồn thu này bù đắp cho giá trị còn lại của tài sản được bồi hoàn Công ty ngưng khấu hao khoảng 5,7 tỷ đồng và các chi phí tài chính liên quan đến công tác xây dựng nhà máy mới tại khu Cảng cá Tắc Cậu với số tiền khoảng hơn 750 triệu đồng.

NGUYỄN KIM BÚP
 Kế toán trưởng

HUYNH CHÂU SANG
 Giám đốc
 Kiên Giang, ngày 8 tháng 3 năm 2013